

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/DS- ST
Ngày 31 tháng 7 năm 2023.
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lưu Thị Thúy.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đường Ngọc Đại và bà Phan Thị Nhung;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Phương Nhật Mai - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Phúc Yên.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phúc Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2023/TLST – DS ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số nhà 68, đường T, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người được bà H ủy quyền là: Ông Đỗ Gia T, sinh năm 1985 và bà Phan Thị Huyền T, sinh năm 2000; Điều có địa chỉ: Số 84 N, phường H, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc (Theo Giấy ủy quyền ngày 20/02/2023). Tại phiên tòa ông T, có mặt.

*Bị đơn:

Bà Dương Thị Đ, sinh năm 1981

Ông Tạ Xuân V, sinh năm 1972

Điều có địa chỉ: Tổ dân phố X, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ông Tạ Xuân V ủy quyền cho: Bà Dương Thị Đ, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 08/6/2023, biên bản lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Gia T trình bày: Trong khoảng thời gian kể từ tháng 5/2013 cho đến tháng 9/2014 bà Nguyễn Thị H có cho ông Tạ Xuân V cùng vợ là bà Dương Thị Đ vay tiền 04 lần với tổng số tiền vay là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), cụ thể:

Lần 1. Ngày 02/5/2013 ông Tạ Xuân V và bà Dương Thị Đ có vay của tôi số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Lần 2. Ngày 28/4/2013 ông Tạ Xuân V và bà Dương Thị Đ có vay của tôi số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); không lãi suất. Lần 3. Ngày 11/10/2013 ông Tạ Xuân V và bà Dương Thị Đ có vay của tôi số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); không lãi suất. Lần 4. Ngày 30/09/2014 ông Tạ Xuân V và bà Dương Thị Đ có vay của tôi số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), không lãi suất.

Các lần vay tiền nêu trên bà H với vợ chồng ông V, bà Đ đều có viết giấy biên nhận vay tiền viết tay với nhau. Ngày 05/9/2019 hai bên ký giấy xác nhận nợ 450.000.000đồng và hẹn trong năm 2020 bà Đ và ông V trả 50.000.000đồng và trong năm 2021 trả 400.000.000đồng.

Tổng vợ chồng ông V và bà Đ đã trả cho bà H tổng số tiền gốc là: 175.000.000 đồng, số tiền còn nợ gốc là 275.000.000 đồng; 05 giấy vay nợ bản gốc bà H đã trả lại cho bà Đ cầm giữ.

Ngày 08/11/2022, bà H và bà Đ có lập biên bản thỏa thuận và chốt nợ trong đó vợ chồng ông Tạ Xuân V và bà Dương Thị Đ còn nợ bà H số tiền gốc là 275.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo giấy vay tiền ngày 05/9/2019. Sau ngày 08/11/2022 (ngày ký biên bản thỏa thuận), ông V và bà Đ đã trả cho bà H được 29.000.000 đồng.

Nay bà H có quan điểm như sau: Bà đề nghị vợ chồng ông V, bà Đ trả ngay cho bà số tiền nợ gốc là 275.000.000 đồng và khoản lãi của số tiền gốc trên tính từ tháng 01 năm 2022 cho đến hết tháng 7 năm 2023 là 16 tháng, lãi suất 0,83% trên tháng; mỗi tháng tiền lãi là 2.282.500 đồng nhân với 16 tháng là 36.520.000 đồng. Bà Đ và ông V đã trả cho bà H 29.000.000 đồng, nay trừ vào tiền lãi; nên tiền lãi còn lại là: 7.520.000 đồng.

***Tại bản tự khai ông Tạ Xuân V trình bày:** Ông thừa nhận vợ chồng có vay của bà Nguyễn Thị H, tổng số tiền là 450.000.000 đồng theo các giấy vay tiền như nguyên đơn trình bày; vợ chồng ông đã ký xác nhận vào giấy vay tiền ngày 05/9/2019.

Tổng số tiền gốc vợ chồng ông đã trả cho bà H đến thời điểm này là 175.000.000đồng, số tiền còn nợ gốc là 275.000.000đồng.

Tại Biên bản thỏa thuận ngày 08/11/2022 vợ ông, bà Đ có làm văn bản thỏa thuận xác nhận vợ chồng ông còn nợ bà H là 275.000.000 đồng tiền gốc và thỏa thuận lãi phát sinh theo giấy vay tiền ngày 05/9/2019. Sau ngày 08/11/2022 vợ chồng tôi đã trả thêm cho bà H thêm số tiền 29.000.000 đồng.

Vì điều kiện công việc của ông rất bận, nên ông đã ủy quyền cho vợ là bà Dương Thị Đ tham gia tố tụng.

****Tại Bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Dương Thị Đ, cũng là người được ông V ủy quyền trình bày:***

Thừa nhận vợ chồng bà có vay của bà Nguyễn Thị H tổng số tiền là 450.000.000 đồng, theo các giấy vay tiền ngày 02/5/2013, ngày 28/4/2013, ngày 11/10/2013, ngày 30/09/2014. Tổng đến thời điểm này, vợ chồng ông bà đã trả cho bà H tổng số tiền gổ là 175.000.000đồng, số tiền còn nợ gốc là 275.000.000 đồng.

Tại Biên bản thỏa thuận ngày 08/11/2022 bà và bà H có văn bản thỏa thuận xác nhận vợ chồng bà còn nợ bà H là 275.000.000 đồng tiền gốc và thỏa thuận lãi theo giấy vay tiền ngày 05/9/2019. Sau khi ký Biên bản thỏa thuận ngày 08/11/2022 bà H có đưa trả cho bà bản gốc Giấy vay tiền ngày 05/9/2019 và 04 giấy vay tiền trước đó, hiện tại bà đã bỏ 05 giấy vay tiền bản gốc này ở đâu lâu ngày không nhớ. Sau ngày 08/11/2022, vợ chồng bà đã trả thêm cho bà H số tiền tổng là 29.000.000 đồng.

Đến thời điểm hiện tại vợ chồng bà còn nợ bà H số tiền nợ gốc là 275.000.000 đồng; tiền lãi bà nhất trí trả bà H lãi suất 0,83% trên tháng của số tiền gốc 275.000.000 đồng; tính từ tháng 01 năm 2022 cho đến 31 tháng 7 năm 2023 là 16 tháng; mỗi tháng tiền lãi là 2.282.500 đồng nhân với 16 tháng là 36.520.000 đồng. Bà nhất trí trừ 29.000.000 đồng, như vậy 36.520.000 đồng – 29.000.000 đồng = 7.520.000 đồng. Bà H đề nghị bà trả số Số tiền trên vợ chồng bà xin trả dần cho bà H mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Vì điều kiện công việc của bà và ông V rất bận, nên bà và ông V đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi Tòa án.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 08 tháng 6 năm 2023, bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Số nhà 68, đường T, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc có đơn khởi kiện về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, với bị đơn bà Dương Thị Đ, sinh năm 1981 và ông Tạ Văn V, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Nên Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên đã thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án, đây là vụ án về việc: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, theo quy định tại

Ở vụ án này các đương sự đều xác nhận ông V và bà Đ vay của bà H qua 04 giấy vay nợ ngày 02/5/2013, ngày 28/4/2013, ngày 11/10/2013 và ngày ngày 30/09/2014; với tổng số tiền là 4.50.000.000đồng, các giấy vay không ghi ngày trả nợ, vay không lãi suất.

Ngày 05/9/2019 hai bên ký giấy xác nhận nợ 450.000.000đồng và hẹn trong năm 2020 bà Đ và ông V trả 50.000.000đồng và năm 2021 trả 400.000.000đồng. Ngày 08/11/2022, bà H và bà Đ có lập biên bản thỏa thuận và chốt nợ trong đó vợ chồng ông Tạ Xuân V bà Dương Thị Đ còn nợ bà H số tiền gốc là 275.000.000đồng và tiền lãi phát sinh theo giấy vay tiền ngày 05/9/2019. Sau ngày 08/11/2022 (ngày ký biên bản thỏa thuận), ông V và bà Đ đã trả cho bà H được 29.000.000đồng.

Nay hai bên thống nhất đến thời điểm này vợ chồng bà Đ và ông V còn nợ bà H số tiền nợ gốc là 275.000.000 đồng và lãi suất 0,83% trên tháng của số tiền 275.000.000đồng tính từ tháng 01 năm 2022 cho đến 31 tháng 7 năm 2023 là 36.520.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện của các đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật.

Sau ngày thỏa thuận 08/11/2022, ông V và bà Đ đã trả cho bà H thêm số tiền là 29.000.000đồng, số tiền này trừ vào số tiền lãi đã trả còn là 36.520.000đồng – 29.000.000đồng = 7.520.000đồng. Bà H đề nghị phải trả ngay cho bà số tiền trên, còn ông V và bà Đ đề nghị cho trả dần mỗi tháng 5.000.000đồng cho đến khi trả hết nợ.

Như vậy ở vụ án này các đương sự đều thống nhất được khoản tiền còn nợ, lãi suất, thời điểm phải trả lãi và những người cùng có trách nhiệm trả nợ. Nhưng các đương sự không thống nhất được phương thức, thời hạn thanh toán tiền. Nên vụ án phải đưa ra xét xử;

Hội đồng xét xử cần buộc bà Đ và ông V cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc còn là 275.000.000đồng và lãi suất tương ứng với thời gian từ tháng 01/2022 cho đến ngày 31/7/2023 (ngày xét xử) là 275.000.000đồng x 0,83%/tháng x 16 tháng = 36.520.000đồng – 29.000.000đồng đã trả = 7.520.000đồng. Tổng phải trả là: 282.520.000đồng.

Về án phí sơ thẩm: Bà Đ và ông V phải chịu án phí theo quy định pháp luật, cụ thể là 282.520.000đồng x 5% = 14.126.000đồng, làm tròn là 1.412.000đ (Một triệu bốn trăm mười hai nghìn đồng);

- Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho bà H đã nộp.

Bồi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 305, 471, 474, 476, 477 Bộ luật dân sự; Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 298 và Điều 299 Bộ luật dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc bà Dương Thị Đ và ông Tạ Xuân V phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 282.520.000đồng (Hai trăm tám mươi hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 275.000.000đồng và lãi là 7.520.000đồng. (Theo giấy biên nhận vay tiền ngày 02/5/2013, ngày 28/4/2013, 11/10/2013, ngày 30/09/2014, Giấy vay tiền ngày 05/9/2019 và Biên bản thỏa thuận ngày 08/11/2022);

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, ông Tạ Xuân V và bà Dương Thị Đ không thanh toán được số tiền nêu trên, thì hàng tháng ông ông V và bà Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Tạ Xuân V và bà Nguyễn Thị Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 14.126.000đồng (Mười bốn triệu một trăm hai mươi sáu nghìn đồng). Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.200.000đồng (Tám triệu hai trăm nghìn), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0007167 ngày 09/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKS TP Phúc Yên;
- Chi cục T.H.A Phúc Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lưu Thị Thúy